TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HS-ST
Ngày: 25 – 4 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Cẩn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn An

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2024/TLST-HS ngày 11/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 10/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Gia L, sinh ngày 08/4/1961 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Phúc T (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; vợ: Nguyễn Thị T1; có 02 con, con lớn tuổi nhất sinh năm 1992, con nhỏ tuổi nhất sinh năm 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 27/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (bị cáo có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Đức T2, sinh ngày 08/10/1974 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (đã chết); vợ: Lưu Thị H1; có 03 con, con lớn tuổi nhất sinh năm 1988, con nhỏ tuổi nhất sinh năm 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày

20/12/2023 đến ngày 27/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (bị cáo có mặt).

3. Họ và tên: Trần Xuân H2, sinh ngày 20/01/1956 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Tổ C, khu D, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Văn C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (đã chết); vợ: Nguyễn Thị L1; có 01 con sinh năm 1979; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (bị cáo có mặt).

4. Họ và tên: Trần Hữu N1, sinh ngày 08/8/1964 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Kim L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N2; vợ: Vũ Thị V; có 02 con, con lớn tuổi nhất sinh năm 1988, con nhỏ tuổi nhất sinh năm 1990; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 27/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (bị cáo có mặt).

5. Họ và tên: Nguyễn Xuân D, sinh ngày 01/5/1963 tại huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; tên gọi khác: Không có; Đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Phan Thị L3; vợ: Phan Thị T3; có 04 con, con lớn tuổi nhất sinh năm 1989, con nhỏ tuổi nhất sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 27/12/2023, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, (bị cáo có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 20/12/2023, Nguyễn Gia L, sinh năm 1961, trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc đang ở nhà tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc thì lần lượt có Trần Hữu N1, sinh năm 1964, ở xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Xuân D, sinh năm 1963, Nguyễn Đức T2, sinh năm 1974 đều ở xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc và Trần Xuân H2, sinh năm 1956 ở khu D, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đến chơi. Sau đó, N1, D, T2 và H2 cùng rủ nhau đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh Phỏm. Các đối tượng bảo L cho đánh bạc tại nhà thì L đồng ý. Sau đó, L đưa các đối tượng vào phòng ngủ trong nhà ngang, nằm sát với gian bếp của gia đình L để đánh bạc. Tại đây, L trải chiếc chiếu cói xuống nền nhà và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân có sẵn đưa cho N1, D, T2, H2 để đánh bạc. Các đối tượng thống nhất mức độ sát phạt là

10.000 đồng với người về nhì, 30.000 đồng với người về ba, 40.000 đồng với người về bốn, cháy 40.000 đồng, ù là 50.000 đồng.

Hình thức chơi Phỏm như sau: Người chơi sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, bắt đầu một ván Phỏm, người chơi đánh đầu tiên sẽ được chia 10 lá bài, những người còn lại được chia 9 lá. Tất cả các lá bài dư được đặt ở giữa bàn, gọi là N3. Người chơi đầu tiên sẽ đánh ra 1 lá bài. Người tiếp theo sẽ ăn lá bài đó nếu nó hợp với các lá bài đang có tạo thành Phỏm (là bộ gồm 3 quân bài trở lên có cùng chất và số liên tiếp nhau hoặc bộ 3 quân bài khác chất trở lên nhưng cùng số). Nếu người tiếp theo lá bài đó thì sẽ phải bốc 1 lá bài trong Nọc. Sau khi ăn bài (hay bốc bài), người chơi phải đánh ra 1 lá bài. Cứ tiếp tục như vậy cho đến hết vòng. Theo luật chơi Phỏm, ván bài sẽ kết thúc khi trong bàn có 1 người chơi Ù (là khi tất cả 9 lá bài đều có phỏm), cháy là không có phỏm nào. Nếu trong bàn không có ai Ù, sau 4 lượt ván bài sẽ kết thúc. Khi đánh lượt cuối, người chơi phải hạ tất cả Phỏm mình đang có, sau đó gửi các lá bài có thể gửi vào Phỏm của những người chơi đã hạ bài rồi mới đánh quân cuối cùng. Các quân bài còn lại sẽ được giữ lại để tính điểm khi kết thúc ván bài.

Quá trình N1, D, T2, H2 đánh bạc thì L ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, các đối tượng đang đánh bạc với nhau thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang 04 đối tượng L, D, N1 và T2 đưa về trụ sở làm việc, còn H2 bỏ chạy thoát.

Ngày 21/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V tiến hành triệu tập Trần Xuân H2 đến làm việc đã xác định: Sau khi bỏ chạy thoát, H2 đã về nhà, sau đó đến điều trị tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh P về tiền sử bị đột quỵ.

Về số tiền sử dụng đánh bạc như sau: Trần Hữu N1 khai nhận có số tiền 1.200.000 đồng; Nguyễn Xuân D có số tiền 1.000.000 đồng; Nguyễn Đức T2 có số tiền 3.000.000 đồng; Trần Xuân H2 có số tiền 1.500.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc. Các đối tượng đều khai khi đánh bạc thì đều bỏ hết tiền xuống chiếu tại vị trí ngồi của mình và khẳng định tổng số tiền 6.740.000 đồng Cơ quan điều tra thu trên chiếu bạc là tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc. Do vậy, có đủ cơ sở xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 6.740.000 đồng.

Vật chứng của vụ án, cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ và hiện còn quản lý gồm: Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.740.000 đồng, 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói có hình vẽ màu xanh, đỏ.

Tại bản Cáo trạng số: 33/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 3 năm 2024, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D cùng về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D theo như Cáo trạng đã

truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D phạm tội: "Đánh bạc".

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D từ 6 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ đối với số tiền Việt Nam 6.740.000 đồng; Tịch thu tiêu huỷ 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cói có hình vẽ màu xanh, đỏ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo, cải tạo không giam giữ khi nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 20/12/2023, tại nhà ở của Nguyễn Gia L ở thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, L đã đồng ý, bố trí phòng ngủ của mình, mang 52 quân bài tú lơ khơ, trải chiếu cho 04 người gồm Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D đánh bạc ăn tiền bằng hình thức đánh Phỏm ăn tiền. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi H2, N1, D, T2 đang đánh bạc với nhau thì bị tổ công tác của Công an tỉnh V phát hiện, bắt quả tang. Tang vật Cơ quan công an đã thu giữ gồm: Tổng số tiền thu trên chiếu bạc là 6.740.000 đồng, 01 chiếu cói, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Kết quả điều tra xác định tổng số tiền các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 6.740.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như sau:

"Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm."

[4] Trong vụ án này L không tham gia chơi bạc nhưng có vai trò tổ chức, giúp sức cho các bị cáo T2, H2, N1, D đánh bạc, L đã sử dụng địa điểm là phòng ngủ nhà ở thuộc quyền quản lý của mình cho 04 người đánh bạc, L trải chiếu cói xuống nền nhà và lấy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài có sẵn đưa cho N1, D, T2, H2 đánh bạc và ngồi xem. Việc sử dụng địa điểm là nhà mình cho các bị cáo đánh bạc, nhưng người chơi dưới 10 người, 01 chiếu bạc, tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc giá trị 6.740.000 đồng (dưới 20.000.000 đồng) nên hành vi của bị cáo L không đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự. Nhưng bị cáo là đồng phạm về tội "Đánh bạc" với vai trò là người tổ chức, giúp sức cho các bị cáo khác chơi bạc. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm, nặng hơn các bị cáo khác để dăn đe và phòng ngừa.

[5] Đối với các bị cáo T2, H2, N1, D đồng phạm tội "Đánh bạc" với vai trò người thực hành, cùng thống nhất rủ nhau chơi bạc tại nhà L, trong tổng số tiền đánh bạc thì T2 sử dụng 3.000.000 đồng nhiều hơn các bị cáo khác, H2 sử dụng 1.500.000 đồng, N1 sử dụng 1.200.000 đồng, D sử dụng 1.000.000 đồng để tham gia chơi bạc. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo mức độ tương ứng với số tiền sử dụng tham gia đánh bạc, trong đó bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn các bị cáo tham gia chơi bạc khác do sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất.

[6] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, góp phần làm gia tăng tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Khi phạm tội, các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, không mắc bệnh làm mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tội phạm mà mình đã gây ra. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo phải bị xử phạt nghiêm, để nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo, đồng thời răn đe, giáo dục cho người khác phải có ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần vào công tác ngăn ngừa, phòng chống tội phạm chung, nhất là các tội phạm xâm phạm đến trật tự công cộng.

[7] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

[8] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Các bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi

phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Xuân D có bố đẻ là ông Nguyễn Văn K có công với cách mạng và được tặng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, bị cáo D còn được Ủy ban nhân dân xã T tặng giấy khen trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2010 – 2015; bị cáo Trần Hữu N1 có ông nội là Trần Văn P1 là liệt sĩ hi sinh trong kháng chiến chống Pháp, gia đình bị cáo N1 là gia đình chính sách, thờ cúng liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo N1 còn có thời gian phục vụ trong quân ngũ từ tháng 3/1983 đến tháng 3/1987. Vì vậy, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, việc xử phạt bị cáo L, bị cáo T2 hình phạt tù cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và xử phạt bị cáo H2, N1, Dương cải tạo không giam giữ là tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo cũng đủ sức răn đe giáo dục.

[10] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định, bị cáo L, H2, D trên 60 tuổi hết tuổi lao động, bị cáo N1 59 tuổi, T2 50 tuổi ở độ tuổi cao làm nông nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[11] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ đối với số tiền 6.740.000 đồng, đây là số tiền dùng để thực hiện hành vi phạm tội (các bị cáo dùng để đánh bạc); tịch thu tiêu huỷ đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, 01 chiếu cói. Đây là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

[12] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Đức T2, Trần Hữu N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Nguyễn Gia L, Trần Xuân H2, Nguyễn Xuân D là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Gia L và Nguyễn Đức T2;

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D;

- Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2, Trần Xuân H2, Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân D phạm tội: *"Đánh bạc"*.

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia L 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Gia L, Nguyễn Đức T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

- Xử phạt bị cáo Trần Xuân H2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Xuân H2 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ để giám sát, giáo dục.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Xuân H2 tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố V, tỉnh Phúc Thọ nhận được quyết định thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Trần Hữu N1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 07 (bảy) ngày tạm giữ (từ ngày 20/12/2023 đến ngày 27/12/2023), quy đổi thành 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân D 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 07 (bảy) ngày tạm giữ (từ ngày 20/12/2023 đến ngày 27/12/2023), quy đổi thành 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để giám sát, giáo dục.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Trần Hữu N1, Nguyễn Xuân Dương t1 từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện L nhận được quyết định thi hành án.

Trong quá trình chấp hành án, nếu các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 6.740.000 đồng.

Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 bộ bài tú lơ khơ cũ đã qua sử dụng, 01 chiếu cói.

(Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/3/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh V với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc).

5. Về án phí:

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức T2, Trần Hữu N1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Gia L, Trần Xuân H2, Nguyễn Xuân D.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- VKSND CC tại Hà Nội;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THA dân sự tỉnh Vĩnh Phúc;
- CQ CSĐT-CA Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Huy Cẩn